

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HS-ST
Ngày 26 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Dương Tiến Dũng**
2. Bà **Lương Thị Nhiều**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Dung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Tuấn Sỹ** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Xuân C** - Sinh ngày 18/02/1988 tại xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn TT, xã CY, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Xuân Th (sinh năm 1957) và bà: Trần Thị L (sinh năm 1957); có vợ là Ma Thị Phương D (sinh năm 1987) và hai con: Con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2017; Căn cước công dân số: 00808801xxxx do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 11/8/2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 26/5/2022, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

- Bị hại:

1. Chị **Hoàng Thị T** - Sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

2. Chị **Hoàng Thị L** - Sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ Y, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Chị **Đinh Thị Y** - Sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6 năm 2021, chị Hoàng Thị T có quen biết Hoàng Xuân C thông qua chị Đinh Thị Y. Qua trao đổi điện thoại với nhau, C biết chị T có nhu cầu vay vốn Ngân hàng nên C một mình đi từ Tuyên Quang lên thị trấn Đ để gặp chị T. Khi gặp có cả chị Hoàng Thị L, C giới thiệu mình là cộng tác viên của Công ty Tài chính FE rồi hỏi hai chị T và L đã vay vốn ở đâu chưa. Cả hai người đều nói là chưa vay ở đâu cả. C nói: *“Hai chị mang căn cước công dân để em chụp lại để gửi đi kiểm tra xem nợ ở Ngân hàng nào chưa”*, chụp xong C đi về. Sau khi về đến nhà, C có gửi hình ảnh căn cước công dân của chị T và chị L cho một người tên M (*không rõ tuổi, địa chỉ*) C quen trên Facebook, nhờ M kiểm tra dư nợ của hai người. Vài ngày sau M, báo lại cho C biết là hai chị T và L đã có dư nợ không vay được. Sau đó C tìm hiểu qua Facebook thì biết một người tên H (*không rõ địa chỉ, tuổi cụ thể ở đâu*) nói làm hồ sơ vay tiền được, kể cả đang có dư nợ, nhưng mỗi bộ hồ sơ vay vốn phải trả cho H với giá là 16.000.000 đồng, C đồng ý và nói sẽ trả lời sau. C gọi điện cho chị T nói mỗi bộ hồ sơ vay vốn mất phí là 20.000.000 đồng. Chị T đồng ý và rủ thêm chị Nguyễn Thị Nh (sinh năm 1978, trú tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) và anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1980, trú tại thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc) ở trọ gần nhà chị T, đang nợ tiền chị T cùng vay để lấy tiền trả cho chị T, chi phí hồ sơ chị T sẽ trả trước cho. Đến tháng 6/2021, C một mình đi lên thị trấn Đ để gặp chị T và chị L làm hồ sơ vay vốn. Tại đây, C nói sau khi làm xong thủ tục thì nhanh là 10 ngày, chậm là 15 ngày sẽ giải ngân, mỗi bộ hồ sơ được vay tối đa là 250.000.000 đồng, chi phí hồ sơ, giấy phép kinh doanh cho mỗi hồ sơ vay 100.000.000 đồng thì phải nộp phí là 9.000.000 đồng, còn vay 250.000.000 đồng thì chi phí mất 20.000.000 đồng. Chị T đồng ý và làm ba hồ sơ vay tiền đứng tên chị T, chị Nh và anh D, hồ sơ mang tên chị T và anh D mỗi hồ sơ vay 250.000.000 đồng, hồ sơ mang tên chị Nguyễn Thị Nh vay 150.000.000 đồng, còn chị Hoàng Thị L làm một bộ hồ sơ vay 250.000.000 đồng. Sau khi làm xong hồ sơ, chị T và chị L bảo C cầm hồ sơ về trước còn tiền phí sẽ chuyển sau, C đồng ý rồi cầm hồ sơ đi về. Sau đó, chị T đã sử dụng ứng dụng MOBILE BANKING của Ngân hàng Agribank, từ số tài khoản 8203215008418 của mình chuyển 5 lần tiền qua số tài khoản 8102205258539 mang tên Hoàng Xuân C, Ngân hàng Agribank, Chi nhánh Y, tỉnh Tuyên Quang tổng số tiền 55.800.000 đồng.

Đến ngày 19/8/2021, chị T không thấy Ngân hàng giải ngân nên đã cùng chị Đinh Thị Y đi về nhà C thì C nói mỗi bộ hồ sơ phải thêm 3.000.000 đồng để bồi dưỡng cán bộ Ngân hàng, chị T đồng ý rồi đi về. Ngày 21/8/2021, chị T tiếp tục chuyển khoản cho C 02 lần là 6.000.000 đồng. Tổng số tiền chị T đã chuyển cho C để làm thủ tục vay vốn là 61.800.000 đồng.

Đối với chị Hoàng Thị L đã chuyển ba lần tiền chi phí vay vốn cho C với tổng số tiền là 20.300.000 đồng qua hệ thống BANKNET của VIETTEL huyện Đ vào số tài khoản 8102205258539, mang tên Hoàng Xuân C, Ngân hàng Agribank, Chi nhánh Y, tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra, chị L đã trực tiếp đưa cho C 9.500.000 đồng tiền mặt. Tổng số tiền C nhận của chị Hoàng Thị L là 29.800.000 đồng.

Sau khi chuyển tiền phí cho C, chị Hoàng Thị T đã nhiều lần liên lạc với C bảo giải ngân, C đều nói là anh em đang trên đường lên. Sau nhiều lần như vậy, đến ngày 08/3/2022, Hoàng Thị T đã viết đơn tố cáo Hoàng Xuân C gửi đến Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 09/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm số 02-PC-CQĐT-ĐTTH chuyển đơn tố cáo của chị Hoàng Thị T đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 09/5/2022, chị Hoàng Thị L đã có đơn tố cáo Hoàng Xuân C gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Ngày 17/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã khởi tố vụ án hình sự số: 11/QĐ-CQĐT về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 06/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Hoàng Văn C tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Hoàng Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 42 tháng đến 48 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Hoàng Xuân C đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho chị Hoàng Thị T số tiền là 38.800.000 đồng, chị Hoàng Thị L 6.000.000 đồng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại cho các bị hại. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, các bị hại, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại Hoàng Thị T có ý kiến: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị số tiền 38.800.000 đồng, nay chị yêu cầu bị cáo trả nốt cho chị số tiền còn lại là 23.000.000 đồng.

Bị hại Hoàng Thị L có ý kiến: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị số tiền 6.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo trả nốt cho bị hại tiền còn lại là 23.800.000 đồng

Tại phần tranh luận, bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì thêm. Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Hoàng Thị T, Hoàng Thị L nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, hai bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Bị cáo Hoàng Xuân C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm sẽ bị nghiêm trị. Tuy nhiên, với bản tính lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2021, nắm bắt được tâm lý của những người muốn vay tiền ngân hàng trong khi đang có dư nợ, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối (tuy bị cáo làm nghề tự do nhưng lại mạo danh mình là cộng tác viên của Công ty tài chính FE, có khả năng làm hồ sơ cho mọi người vay vốn, nếu họ đang có dư nợ tại ngân hàng thì phải trả chi phí mới được vay) để chiếm đoạt tài sản của chị Hoàng Thị T số tiền là 61.800.000 đồng, chiếm đoạt của chị Hoàng Thị L số tiền là 29.800.000 đồng. Tổng số tiền Hoàng Xuân C chiếm đoạt là 91.600.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo Hoàng Xuân C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

...

c) *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*

..."

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ. Không những thế còn gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2021, bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại (05 lần đối với chị Hoàng Thị T, 04 lần đối với chị Hoàng Thị L). Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại một phần thiệt hại; các bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi chiếm đoạt được số tiền 91.600.000 đồng, đến khi các bị hại phát hiện bị cáo không có khả năng vay vốn như đã hứa nên đã nhiều lần yêu cầu bị cáo hoàn trả, bị cáo chỉ khất lần cho qua chuyện rồi tuyên bố không trả, thậm chí còn thách thức các bị hại đưa sự việc ra pháp luật, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Hơn nữa, sau khi thực hiện hành vi phạm tội tại địa bàn huyện Đ, bị cáo còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác tại địa bàn huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện vụ việc đang được điều tra bằng một vụ án khác. Do vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định, theo mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, có như vậy mới có tác dụng răn đe riêng và phòng ngừa chung. Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho chị Hoàng Thị T số tiền là 38.800.000 đồng, chị Hoàng Thị L 6.000.000 đồng. Nay các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường nốt phần còn lại của số tiền đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu của các bị hại là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại cho chị Hoàng Thị T 23.000.000 đồng, chị Hoàng Thị L 23.800.000 đồng.

[9] Trong vụ án này, còn có Đinh Thị Y (sinh năm 1975, trú tại tổ X, thị trấn Đ, huyện Đ) là bạn của Hoàng Xuân C. Khi quen biết, C giới thiệu là cộng tác viên của Công ty tài chính FE, khi biết chị Hoàng Thị T và chị Hoàng Thị L cần vay vốn để kinh doanh, Y đã giới thiệu C cho chị T và chị L quen nhau. Quá trình C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với chị T và chị L thì Y không tham gia cùng, không được C hứa hẹn hay chia cho bất cứ lợi ích vật chất gì. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với Đinh Thị Y với vai trò đồng phạm. Trong quá trình điều tra, ngày 10/5/2022 Đinh Thị Y có đơn tố cáo C gửi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ về việc C nhiều lần vay Y số tiền là 73.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân, Y đã đòi nhưng C không trả. Quá trình điều tra xác định mục đích C vay tiền của Y chỉ là chi tiêu cho cá nhân C chứ không phải là tiền Y đưa cho C để làm hồ sơ vay vốn, đây chỉ là giao dịch dân sự, không liên quan đến vụ án này, do vậy không có căn cứ để xử lý.

[10] Đối với Nguyễn Thị Nh (sinh năm 1978, trú tại thành phố T) và Nguyễn Văn D (sinh năm 1980, trú tại thôn T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc) là người đứng tên làm hồ sơ để vay vốn, quan điều tra xác minh tại địa phương thì cả D và Nh đều không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, đang ở đâu, nên không đề cập đến hai người này.

[11] Đối với người tên M và H là do C quen biết qua Facebook chứ không biết địa chỉ, tuổi cụ thể nên không thể tiến hành điều tra xác minh nhân thân các đối tượng này.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

[13] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Xuân C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam (ngày 26/5/2022).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Hoàng Xuân C:

- Bồi thường cho chị Hoàng Thị T (sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang) số tiền 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng);

- Bồi thường cho chị Hoàng Thị L (sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ Y, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang) số tiền 23.800.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Xuân C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.340.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải chịu 2.540.000 đồng án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- CQTHAHS Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm